**PHỤ LỤC III**

**NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHỨNG CHỈ LÁI PHƯƠNG TIỆN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 64/2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

**Đối tượng tuyển sinh:**là công dân Việt Nam, người nước ngoài đáp ứng điều kiện về độ tuổi, sức khỏe theo quy định.

**Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp**: Chứng chỉ lái phương tiện.

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về:

1. An toàn cơ bản, đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ môi trường.

2. Kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

3. Nguyên lý điều khiển phương tiện thủy; các tuyến đường thủy nội địa ở các khu vực (Bắc, Trung, Nam).

4. Quy định về vận chuyển, bảo quản và xếp dỡ hàng hóa; quy định về vận chuyển hành khách.

5. Bảo quản, bảo dưỡng sửa chữa phương tiện.

6. Thực hiện thành thạo các nút dây, các mối dây và thực hiện tốt các thao tác làm dây trên phương tiện.

7. Sử dụng thành thạo các trang thiết bị cứu hỏa, cứu thủng, cứu sinh; các dụng cụ gõ gỉ, dụng cụ sơn trên phương tiện.

8. Thành thạo khi chèo xuồng; đo nước, đệm chống va; điều khiển được phương tiện nhỏ trong mọi trường hợp.

II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC

1. Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 07

2. Thời gian của khóa học: 275 giờ, bao gồm:

a) Thời gian học lý thuyết, thực hành: 243 giờ

b) Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc môn học, mô đun: 17 giờ

c) Thời gian ôn tập, kiểm tra kết thúc khóa học: 15 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã****MH, MĐ** | **Tên môn học, mô đun** | **Thời gian đào tạo (giờ)** |
| MĐ 01 | An toàn cơ bản, đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ môi trường | 50 |
| MĐ 02 | Thủy nghiệp cơ bản | 45 |
| MH 03 | Luồng đường thủy nội địa | 15 |
| MH 04 | Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa | 40 |
| MĐ 05 | Điều động phương tiện | 80 |
| MH 06 | Vận tải hàng hóa và hành khách | 15 |
| MĐ 07 | Bảo dưỡng phương tiện | 15 |
| **Tổng cộng** | **260** |

IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ KIỂM TRA

1. Hình thức đào tạo:

a) Lý thuyết: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến; tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình;

b) Thực hành: áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp; tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các phương tiện huấn luyện.

2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

a) Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định;

b) Điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học: điểm tổng kết môn học, mô đun của học viên đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; thời gian thực học tối thiểu 80% so với tổng thời gian quy định của từng môn học, mô đun.

3. Kiểm tra kết thúc khóa học:

Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, học viên được tham dự kỳ kiểm tra kết thúc khóa học để được cấp Chứng chỉ lái phương tiện, gồm các nội dung sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Môn kiểm tra** | **Hình thức kiểm tra** |
| 1 | Lý thuyết tổng hợp | Trắc nghiệm |
| 2 | Điều động phương tiện | Thực hành |

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên mô đun: **AN TOÀN CƠ BẢN, ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

a) Mã số: MĐ 01.

b) Thời gian: 50 giờ.

c) Mục tiêu:

- Giúp người học hiểu nội dung cơ bản các quy định về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp để nâng cao ý thức và văn hóa giao thông của thuyền viên khi tham gia giao thông đường thủy nội địa;

- Hiểu và thực hiện tốt các kỹ thuật an toàn khi làm việc trên phương tiện; làm được các công việc về ứng phó ô nhiễm dầu, phòng chống cháy nổ, cứu sinh, cứu thủng theo các quy định hiện hành đối với chức danh tương ứng trên phương tiện thủy;

- Biết sơ cứu, cấp cứu người bị nạn, biết bơi thành thạo, biết xử lý các tình huống xảy ra khi bơi.

d) Nội dung:

| **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Bài 1: An toàn lao động | 3 |
| 2 | Bài 2: Đạo đức nghề nghiệp | 2 |
| 3 | Bài 3: Phòng, chống cháy nổ | 8 |
| 4 | Bài 4: An toàn sinh mạng | 10 |
| 5 | Bài 5: Sơ cứu | 4 |
| 6 | Bài 6: Bảo vệ môi trường | 2 |
| 7 | Bài 7: Huấn luyện kỹ thuật bơi, lặn | 17 |
| Kiểm tra kết thúc mô đun | 4 |
| **Tổng cộng** | **50** |

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình an toàn cơ bản, đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ môi trường, các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành trên các bãi tập của cơ sở đào tạo, các bể bơi và trên các phương tiện huấn luyện.

2. Tên mô đun: **THỦY NGHIỆP CƠ BẢN**

a) Mã số: MĐ 02.

b) Thời gian: 45 giờ.

c) Mục tiêu: trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản để thực hiện các công việc làm dây, sử dụng, bảo quản dây và thành thạo chèo xuồng.

d) Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** |
| 1 | Bài 1: Làm dây | 20 |
| 2 | Bài 2: Chèo xuồng | 22 |
| Kiểm tra kết thúc mô đun | 3 |
| **Tổng cộng** | **45** |

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình thủy nghiệp cơ bản và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay tại phòng học thủy nghiệp cơ bản, trên các bãi tập của cơ sở đào tạo và trên các phương tiện huấn luyện.

3. Tên môn học: **LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 03.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm, tính chất chung của đường thủy nội địa Việt Nam, các thông tin, dữ liệu cần thiết về luồng đường thủy nội địa, tuyến vận tải đường thủy nội địa.

d) Nội dung:

| **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Chương I: Khái quát chung về sông, kênh ở Việt Nam | 2 |
| 2 | Chương II: Tổng quan về luồng đường thủy nội địa | 12 |
| Kiểm tra kết thúc môn học | 1 |
| **Tổng cộng** | **15** |

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình luồng đường thủy nội địa thuyền, các bản đồ đường thủy nội địa miền Bắc, miền Trung, miền Nam và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát các tuyến luồng trên sa bàn, các tuyến luồng thực tế trên sơ đồ tuyến và trên các phương tiện huấn luyện.

4. Tên môn học: **PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

a) Mã số: MH 04.

b) Thời gian: 40 giờ.

c) Mục tiêu: cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa để người học chấp hành pháp luật, góp phần đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

d) Nội dung:

| **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Chương I: Những quy định chung | 1 |
| 2 | Chương II: Quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện | 18 |
| 3 | Chương III: Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa | 15 |
| 4 | Chương IV: Trách nhiệm của người lái phương tiện | 2 |
| 5 | Chương V: Giới thiệu các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa Việt Nam | 2 |
| Kiểm tra kết thúc môn học | 2 |
| **Tổng cộng** | **40** |

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, các báo hiệu trên sa bàn.

5. Tên mô đun: **ĐIỀU ĐỘNG PHƯƠNG TIỆN**

a) Mã số: MĐ 05.

b) Thời gian: 80 giờ.

c) Mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng điều động phương tiện tự hành;

- Hiểu và sử dụng thành thạo các thiết bị liên quan đến điều động phương tiện; nguyên lý điều khiển phương tiện; các kỹ năng điều động phương tiện tự hành.

d) Nội dung:

| **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Bài 1: Nguyên lý cơ bản về điều động phương tiện thủy | 15 |
| 2 | Bài 2: Kỹ thuật điều động phương tiện nhỏ | 60 |
| Kiểm tra kết thúc mô đun | 5 |
| **Tổng cộng** | **80** |

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình điều động phương tiện thủy và các tài liệu tham khảo về điều động phương tiện để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học thực hành trên các phương tiện huấn luyện;

- Cơ sở đào tạo linh hoạt trong việc giảng dạy giữa lý thuyết và thực hành cho phù hợp điều kiện thực tế.

6. Tên môn học: **VẬN TẢI HÀNG HÓA VÀ HÀNH KHÁCH**

a) Mã số: MH 06.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học được cung cấp các kiến thức cơ bản về vận chuyển, bảo quản, xếp dỡ, giao nhận hàng hóa; những quy định về vận tải hàng hóa và hành khách, nhằm bảo đảm vận tải an toàn và hiệu quả.

d) Nội dung:

| **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Chương I: Vị trí, vai trò và đặc điểm của ngành vận tải thủy nội địa | 0,5 |
| 2 | Chương II: Phân loại hàng hóa | 1,5 |
| 3 | Chương III: Phương pháp bảo quản, xếp dỡ và vận chuyển một số loại hàng hóa | 7 |
| 4 | Chương IV: Quy định về vận tải hàng hóa và hành khách đường thủy nội địa | 5 |
| Kiểm tra kết thúc môn học | 1 |
| **Tổng cộng** | **15** |

đ) Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Căn cứ vào giáo trình kinh tế vận tải, các quy định về vận tải đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học khai thác các bài toán về kinh tế vận tải trong một chuyến đi vòng tròn trên các phương tiện huấn luyện.

7. Tên mô đun: **BẢO DƯỠNG PHƯƠNG TIỆN**

a) Mã số: MĐ 07.

b) Thời gian: 15 giờ.

c) Mục tiêu: giúp người học có kiến thức và kỹ năng cơ bản để thực hiện các công việc bảo quản, bảo dưỡng vỏ phương tiện.

d) Nội dung:

| **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Bài 1: Chế độ bảo dưỡng vỏ phương tiện | 4 |
| 2 | Bài 2: Phương pháp bảo quản vỏ phương tiện | 10 |
| Kiểm tra kết thúc mô đun | 1 |
| **Tổng cộng** | **15** |

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun:

- Căn cứ vào giáo trình thủy nghiệp cơ bản và các tài liệu tham khảo để đưa ra nội dung các bài học lý thuyết;

- Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay tại phòng học thủy nghiệp cơ bản, trên các bãi tập của cơ sở đào tạo và trên các phương tiện huấn luyện.